

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1900 ± 10 điểm cả ngày. Cuối phiên, chỉ số giảm xuống ngưỡng 1,870, nhưng lực cầu bắt đáy đã ngay lập tức xuất hiện và kéo chỉ số lên đóng cửa tại mốc 1,894.44 điểm, giảm hơn 8 điểm so với hôm qua. Số mã tăng nhiều hơn số mã giảm, 11/18 ngành tăng điểm, tuy nhiên nhịp giảm của nhóm cổ phiếu Vin kim hãm đà tăng của thị trường. Ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dầu khí trong khi ngành Bất động sản giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng trên sàn HNX. Lực bắt đáy đang khá tốt và có tính lan tỏa, VN-Index vẫn có động lực chinh phục những đỉnh cao mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 14/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-8.49** điểm, đóng cửa tại **1894.44** điểm. HNX-Index **+0.47** điểm, đóng cửa tại **253.32** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+5.67)**, **VCB (+3.71)**, **GVR (+2.17)**, **VNM (+2.13)**, **GAS (+1.77)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-12.29)**, **VHM (-6.45)**, **VPB (-1.66)**, **TCB (-1.27)**, **VPL (-0.91)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **42,286** tỷ đồng, tăng **5.55%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 46,429 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 47.59 điểm. Thị trường có **170** mã tăng, 58 mã tham chiếu, **152** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-462.86** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-268.47 tỷ)**, **MSN (-195.87 tỷ)**, **VRE (-147.91 tỷ)**, **VJC (-128.19 tỷ)**, **CTG (-122.90 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **100.32** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.76%**. Các mã diễn biến tích cực:
VNM (+6.95%)
BID (+6.86%)
DBC (+4.55%)
- BSC50 **+0.75%**. Các mã diễn biến tích cực:
TNG (+8.33%)
SAB (+6.97%)
VTP (+6.96%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.76%	0.75%	-0.45%	-1.06%
1 tuần	4.41%	3.09%	1.77%	-1.41%
1 tháng	14.36%	8.62%	15.09%	10.55%
3 tháng	5.73%	-4.02%	7.22%	2.22%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,894.44	253.32	124.89
% 1D	-0.45%	0.19%	1.34%
GTKL (tỷ VND)	42,286	2,801	1,153
%1D	5.55%	13.43%	-35.64%
GDNN (tỷ VND)	-462.86	100.32	-58.79

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	210.79	VHM	-268.47
SSI	192.55	MSN	-195.87
FPT	121.46	VRE	-147.91
VIC	115.39	VJC	-128.19
HCM	95.69	CTG	-122.90

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

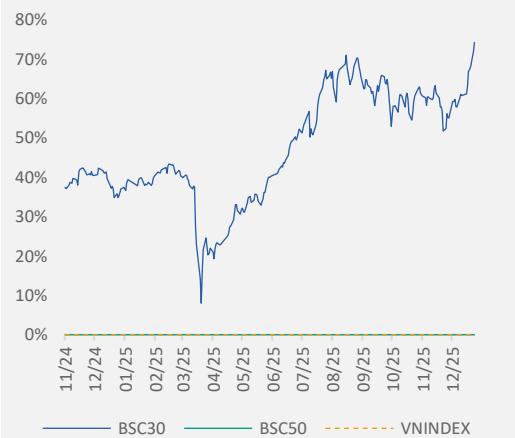
		%D	%W
SPX	6,964	-0.19%	0.27%
FTSE100	10,168	0.30%	1.19%
Eurostoxx	6,047	0.32%	2.20%
Shanghai	4,126	-0.31%	0.99%
Nikkei	54,341	1.48%	3.60%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.03	-0.67%
Giá vàng	4,635	0.69%
Tỷ giá		
USD/VND	26,391	0.02%
EUR/VND	31,383	-0.23%
JPY/VND	169	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

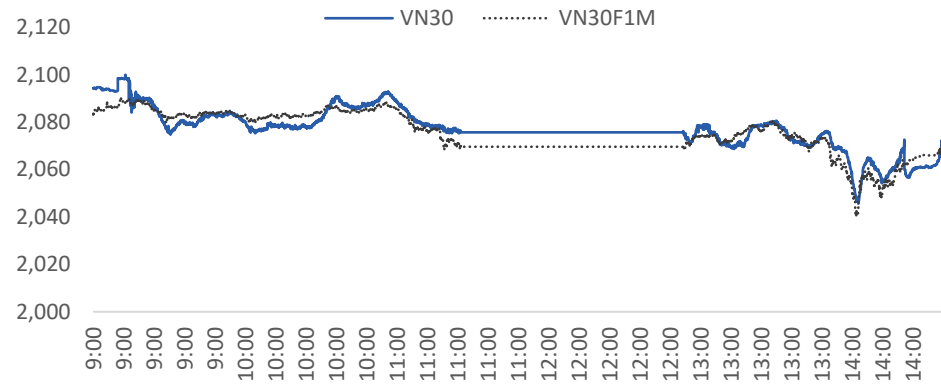
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	2066.60	-0.86%	316,715	24.0%	15/01/2026	1
41I1G6000	2055.00	-1.32%	42	200.0%	18/06/2026	155
41I1G1000	2066.60	-0.86%	316,715	24.0%	15/01/2026	1
41I1G3000	2046.00	-1.87%	91	184.38%	19/03/2026	64

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -22.11 điểm, đóng cửa tại 2067.1 điểm. Biên độ dao động 51.92 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, VPB, VRE, VJC tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Diễn biến giằng co và áp lực bán trong phiên chiều kéo VN30 giao dịch trong sắc đỏ trong phần lớn thời gian giao dịch của ngày hôm nay. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVNM2517	3/02/2026	20	1,401,600	3.63%	63.94	650	242.1%	0.44	70.16	67.70	67.70
CVNM2509	23/02/2026	40	558,400	4.85%	66.48	610	221.1%	0.39	70.98	67.70	67.70
CVNM2503	26/03/2026	71	1,126,900	4.94%	63.21	1,710	74.5%	1.29	71.04	67.70	67.70
CVNM2518	3/04/2026	79	520,100	5.64%	65.11	670	67.5%	0.50	71.52	67.70	67.70
CVNM2519	4/05/2026	110	474,000	7.46%	65.96	710	61.4%	0.51	72.75	67.70	67.70
CVNM2524	26/05/2026	132	127,500	9.31%	65.00	1,500	57.9%	0.97	74.00	67.70	67.70
CVNM2515	23/06/2026	160	1,776,600	6.02%	57.36	3,770	43.3%	3.14	71.77	67.70	67.70
CVNM2514	23/01/2026	9	218,900	0.77%	53.54	1,920	42.2%	1.86	68.22	67.70	67.70
CVNM2522	8/06/2026	145	417,900	8.31%	57.84	1,620	38.5%	1.20	73.32	67.70	67.70
CVNM2511	20/05/2026	126	1,782,000	2.32%	52.58	2,910	35.3%	2.80	69.27	67.70	67.70
CFPT2508	5/02/2026	22	21,000	37.12%	136.57	40	33.3%	0.00	136.85	99.80	99.80
CVNM2521	25/06/2026	162	223,600	14.09%	67.30	1,040	31.6%	0.53	77.24	67.70	67.70
CVNM2520	23/07/2026	190	9,000	11.03%	63.19	1,790	29.7%	1.19	75.17	67.70	67.70
CVPB2524	25/06/2026	162	12,500	52.78%	43.11	490	19.5%	0.05	45.07	29.50	29.50
CVNM2523	8/12/2026	328	18,500	20.03%	60.32	2,190	19.0%	1.23	81.26	67.70	67.70
CSHB2510	4/05/2026	110	5,100	12.35%	13.67	2,880	19.0%	1.97	18.76	16.70	16.70
CFPT2516	23/01/2026	9	134,400	3.51%	101.58	200	17.6%	0.12	103.31	99.80	99.80
CFPT2525	25/03/2026	70	2,757,400	9.09%	101.94	700	16.7%	0.44	108.87	99.80	99.80
CSHB2511	24/02/2026	41	1,100	15.39%	18.00	1,270	15.5%	0.43	19.27	16.70	16.70
CVIB2510	3/03/2026	48	28,500	14.62%	19.22	450	15.4%	0.14	20.80	18.15	18.15

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 14/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVNM2517 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 242.11%. CVPB2513 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.76%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CVRE2526, CVRE2525, CFPT2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2511, CVHM2512 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VNM	67.70	6.95%	6.53
FPT	99.80	0.91%	2.16
MSN	80.60	1.64%	1.90
VCB	76.00	2.70%	1.38
SAB	53.70	6.97%	0.88

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	160.20	-4.59%	-7.40
VHM	126.30	-5.75%	-6.68
VPB	29.50	-3.28%	-3.36
VRE	31.80	-5.22%	-2.50
VJC	189.40	-2.87%	-2.40

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	54.50	6.86%	5.67	7.02
VCB	76.00	2.70%	3.71	8.36
GVR	36.35	6.91%	2.17	4.00
VNM	67.70	6.95%	2.13	2.09
GAS	107.00	3.18%	1.77	2.41

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	150.40	9.94%	1.69	0.20
NTP	73.90	9.97%	0.71	0.17
PVS	40.30	1.77%	0.21	0.51
PTI	31.00	6.90%	0.15	0.12
TNG	20.80	8.33%	0.13	0.13

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BCM	73.40	7.00%	1.19	2.65
HID	5.37	6.97%	0.01	0.30
SAB	53.70	6.97%	1.07	4.77
VTP	123.00	6.96%	0.23	3.89
VNM	67.70	6.95%	2.20	25.08

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	73.90	9.97%	5.35	1.96
KSV	150.40	9.94%	12.69	0.13
TTL	10.00	9.89%	0.18	0.03
PVC	14.70	9.70%	0.49	9.26
DST	13.60	9.68%	0.18	0.86

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	160.20	-4.59%	-12.29	7.73
VHM	126.30	-5.75%	-6.45	4.11
VPB	29.50	-3.28%	-1.66	7.93
TCB	36.50	-2.28%	-1.27	7.09
VPL	92.50	-2.53%	-0.91	1.79

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	65.60	-0.61%	-0.20	0.90
CEO	19.10	-2.55%	-0.16	0.57
DHT	68.90	-3.64%	-0.13	0.09
BAB	12.70	-1.55%	-0.11	1.00
MBS	27.80	-0.71%	-0.07	0.66

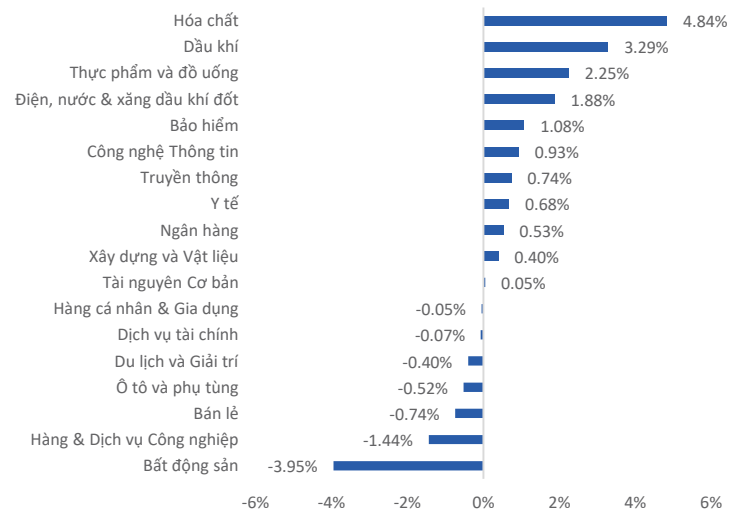
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LGC	56.80	-6.89%	-0.19	0.00
SRF	7.58	-6.88%	0.00	0.03
SVD	4.10	-6.61%	0.00	0.06
VHM	126.30	-5.75%	-6.66	12.62
VRE	31.80	-5.22%	-0.84	16.18

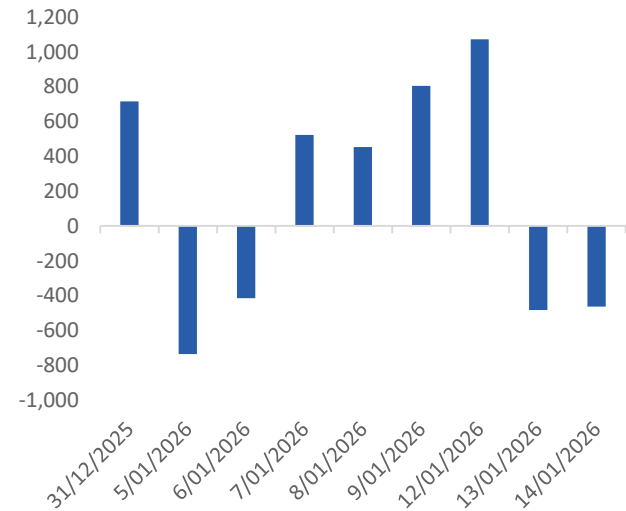
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGT	7.30	-9.88%	-0.03	0.00
ATS	19.70	-9.63%	-0.03	0.00
TJC	12.20	-9.63%	-0.04	0.00
NAP	11.40	-9.52%	-0.10	0.00
VIT	19.90	-9.13%	-0.39	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.1	1.50%	1.2	9,610	190.0	2,409	18.0	22.0%	17.1%	
FRT	Bán lẻ	145.0	0.28%	1.0	24,626	257.7	3,620	40.0	32.2%	24.8%	
BVH	Bảo hiểm	68.5	0.88%	1.2	50,404	172.6	3,578	19.0	26.7%	11.3%	
DIG	Bất động sản	16.7	-0.30%	1.1	13,340	253.2	517	32.4	3.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	15.9	-1.85%	1.1	18,021	285.8	397	40.8	25.0%	3.2%	
HDC	Bất động sản	21.1	-3.65%	0.9	4,375	134.9	2,445	9.0	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	26.5	-1.85%	1.3	9,989	107.3	938	28.8	20.2%	5.5%	
IDC	Bất động sản	40.0	1.27%	1.3	14,990	174.8	4,849	8.2	11.6%	31.5%	
NLG	Bất động sản	31.0	0.16%	1.1	15,014	189.8	2,182	14.2	43.7%	8.8%	
SIP	Bất động sản	56.5	1.80%	1.2	13,437	57.6	5,474	10.1	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	31.7	0.16%	1.1	5,688	46.4	1,763	17.9	2.7%	10.1%	
TCH	Bất động sản	16.0	-3.04%	1.3	15,004	154.4	801	20.6	10.9%	5.7%	
VIC	Bất động sản	160.2	-4.59%	1.3	1,293,843	723.5	1,147	146.4	3.0%	6.2%	
VRE	Bất động sản	31.8	-5.22%	1.5	76,236	520.9	2,144	15.7	13.9%	11.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	34.1	1.93%	1.0	7,792	15.0	1,848	19.9	38.2%	13.2%	
PLX	Dầu khí	48.5	6.95%	0.9	57,621	754.9	2,090	21.7	14.7%	10.3%	
PVD	Dầu khí	29.7	-2.14%	1.1	16,871	363.2	1,602	19.0	10.9%	5.5%	
FTS	Dịch vụ tài chính	34.0	0.00%	1.1	11,781	77.0	1,262	26.9	25.1%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.8	-0.71%	1.8	18,444	256.4	1,653	16.9	2.4%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	107.0	3.18%	0.9	250,223	530.9	5,014	20.7	2.2%	18.9%	
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.6	0.00%	0.9	44,791	462.9	676	21.6	5.0%	5.8%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.3	0.32%	0.6	33,637	72.8	4,776	13.0	49.0%	13.2%	
VJC	Du lịch và Giải trí	189.4	-2.87%	0.6	115,364	650.1	2,897	67.3	7.4%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	41.5	-3.49%	0.9	38,803	593.3	2,313	18.6	8.8%	14.1%	
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.0	0.16%	0.9	26,827	97.2	3,494	18.0	41.3%	11.2%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.5	-1.37%	0.5	9,845	156.9	6,185	9.4	7.1%	31.0%	
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.9	-0.71%	0.9	9,892	263.1	2,090	10.1	10.6%	12.2%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	123.0	6.96%	0.0	14,005	471.6	3,139	36.6	5.0%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	101.5	-1.36%	0.8	35,104	57.6	6,910	14.9	49.0%	20.0%	
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.0	3.13%	0.9	3,042	79.7	2,535	10.7	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.8	8.33%	1.4	2,472	102.1	2,854	6.7	16.8%	18.7%	
DPM	Hóa chất	24.9	2.05%	1.0	16,590	312.0	1,212	20.1	4.0%	7.4%	
GVR	Hóa chất	36.4	6.91%	1.6	136,000	500.5	1,569	21.7	0.5%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	23.1	-1.91%	1.0	43,774	427.9	1,635	14.4	3.1%	11.8%	
LPB	Ngân hàng	41.7	-0.48%	0.8	125,167	1624.0	3,469	12.1	0.9%	23.9%	
NAB	Ngân hàng	15.0	0.67%	0.0	25,564	32.2	2,337	6.4	1.7%	19.3%	
OCB	Ngân hàng	12.1	-1.22%	0.9	32,622	74.4	1,460	8.4	19.7%	12.0%	
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.6	0.65%	0.9	6,937	116.3	571	27.2	5.3%	3.2%	
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.9	1.13%	1.1	7,082	54.3	2,829	9.4	3.7%	24.1%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	38.6	1.98%	0.6	11,492	220.5	1,715	22.0	3.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	53.7	6.97%	0.7	64,385	252.8	3,373	14.9	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.2	2.73%	1.0	13,153	186.6	6,944	8.4	19.5%	17.0%	
BMP	Xây dựng và Vật liệu	175.0	-0.46%	0.1	14,391	44.1	14,639	12.0	85.1%	41.2%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	77.1	0.00%	1.1	8,211	43.8	6,245	12.4	49.0%	7.4%	
CTR	Xây dựng và Vật liệu	108.0	6.93%	1.1	11,553	361.0	5,128	19.7	5.3%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	40.9	0.00%	1.0	4,118	35.6	3,037	13.5	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.9	0.39%	1.1	7,031	97.5	1,099	11.7	10.6%	5.2%	
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.2	0.00%	1.1	9,933	262.7	1,377	17.5	13.9%	10.0%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.5	2.62%	0.9	14,804	203.4	6,148	3.7	4.6%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.6	4.52%	1.1	20,848	138.2	3,090	15.1	2.4%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>